TOÀ ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ HUẾ** **TỈNH THỪA THIÊN HUẾ**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc.**
Số: 08/2020/QĐST- HNGĐ	*Thành phố Huế, ngày 06 tháng 01 năm 2020*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HUẾ- TỈNH THỪA THIÊN HUẾ.

Căn cứ Điều 212, Điều 213, Điều 397 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 55, Điều 57, Điều 58 Luật Hôn nhân và Gia đình;

Căn cứ Luật Phí và Lệ phí năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc dân sự thụ lý số 604/2019/TLST- HNGĐ ngày 02 tháng 12 năm 2019 về việc "Yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn", gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

** Người yêu cầu giải quyết việc dân sự:*

- Anh Nguyễn Thanh S, sinh năm 1977

- Chị Lê Thị Ngọc C, sinh năm 1980

Cùng địa chỉ: Số 22 V, phường Xuân Phú, thành phố Huế, tỉnh Thừa Thiên Huế.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về quan hệ hôn nhân: Anh Nguyễn Thanh S và chị Lê Thị Ngọc C tự nguyện kết hôn, đăng ký kết hôn tại UBND phường Xuân Phú, thành phố Huế, Thừa Thiên Huế vào ngày 31/5/2007. Sau khi kết hôn vợ chồng sống không hạnh phúc, thường xuyên nảy sinh nhiều mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là vì bất đồng quan điểm sống, không còn tìm thấy tiếng nói chung trong đời sống hôn nhân, thường xuyên gây gổ, cãi vã lẫn nhau, vợ chồng đã sống ly thân nhau từ 02 năm nay. Hiện nay, vợ chồng không còn quan tâm, yêu thương nhau nữa. Do mâu thuẫn đã trầm trọng, không thể hàn gắn để trở về đoàn tụ vợ chồng nên anh S và chị C cùng nhất trí thuận tình ly hôn.

[2] Về con chung: Anh Nguyễn Thanh S và chị Lê Thị Ngọc C xác nhận vợ chồng có 02 người con chung tên là Nguyễn Ngọc Ánh L, sinh ngày 04/4/2007 và Nguyễn Thanh Kim B, sinh ngày 31/8/2010. Hiện tại chị C đang trực tiếp nuôi dưỡng 02 con.

Hai bên thỏa thuận giao 02 con Nguyễn Ngọc Ánh L, sinh ngày 04/4/2007 và Nguyễn Thanh Kim B, sinh ngày 31/8/2010 cho chị Lê Thị Ngọc C trực tiếp nuôi dưỡng đến tuổi trưởng thành; anh S có nghĩa vụ cấp dưỡng tiền nuôi mỗi con là 2.000.000 đồng/ tháng (tức là: 4.000.000 đồng/ 02 con/01 tháng) Thời hạn cấp dưỡng kể từ khi quyết định của Tòa án có hiệu lực pháp luật cho đến khi cả 02 con trưởng thành (đủ 18 tuổi).

[3] Về tài sản chung: Không yêu cầu, nên Tòa án không giải quyết.

[4] Về nợ chung: Cả hai bên xác nhận không có, không yêu cầu, nên Tòa án không giải quyết.

[5] Về lệ phí Tòa án: Anh Nguyễn Thanh S và chị Lê Thị Ngọc C mỗi người phải chịu 150.000 đồng lệ phí dân sự sơ thẩm theo quy định pháp luật.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập Biên bản hòa giải đoàn tụ không thành (ngày 27/12/2019), không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Công nhận thuận tình ly hôn của anh Nguyễn Thanh S và chị Lê Thị Ngọc C.

- Về con chung: Anh Nguyễn Thanh Svà chị Lê Thị Ngọc C xác nhận vợ chồng có 02 người con chung tên là Nguyễn Ngọc Ánh L, sinh ngày 04/4/2007 và Nguyễn Thanh Kim B, sinh ngày 31/8/2010

Giao cả hai con Nguyễn Ngọc Ánh L và Nguyễn Thanh Kim B cho chị Lê Thị Ngọc C trực tiếp nuôi dưỡng đến tuổi trưởng thành; anh S có nghĩa vụ cấp dưỡng tiền nuôi, mức cấp dưỡng mỗi con 2.000.000 đồng/1 tháng (tức là: 4.000.000 đồng/ 02con/ 01 tháng); thời hạn cấp dưỡng kể từ khi quyết định của Tòa án có hiệu lực pháp luật cho đến khi các con trưởng thành (đủ 18 tuổi).

Người không trực tiếp nuôi con có quyền và nghĩa vụ thăm nom con mà không ai bị cản trở.

Kể từ ngày quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với khoản tiền phải trả cho người được thi hành án), cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án, theo mức lãi suất quy định tại điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

- Về tài sản chung: Không yêu cầu, nên Tòa án không giải quyết.

- Về nợ chung: Cả hai bên xác nhận không có, không yêu cầu, nên Tòa án không giải quyết.

2. Về lệ phí dân sự sơ thẩm: Anh Nguyễn Thanh S và chị Lê Thị Ngọc Cmỗi người phải chịu 150.000đồng lệ phí ly hôn sơ thẩm, nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng lệ phí 300.000đồng đã nộp theo biên lai thu tiền số AA/2013/008880

ngày 28/11/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Huế, anh Nguyễn Thanh S và chị Lê Thị Ngọc C đã nộp đủ lệ phí ly hôn sơ thẩm.

Trường hợp Quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự, được bổ sung theo Luật sửa đổi, bổ sung Luật thi hành án dân sự năm 2014 thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự và Điều 7a, 7b Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật thi hành án dân sự năm 2014; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh TT Huế;
- VKSND TP Huế;
- Chi cục THADS TP Huế;
- UBND P Xuân, Huế (ĐKKH ngày 31/5/2007);
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án;

THẨM PHÁN

Mai Thị Mộng Trinh